

# THỰC TRẠNG VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO GIÁO VIÊN MẦM NON DẠY TRẺ HÒA NHẬP Ở TỈNH HẢI DƯƠNG

**TS. Vũ Thị Yến Nhi**

Trường Đại học Hải Dương

Email: vuyennhidhd@gmail.com

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích thực trạng thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non dạy trẻ hòa nhập tại tỉnh Hải Dương. Thông qua việc đánh giá các chính sách hiện hành, khảo sát thực tế và phân tích số liệu cụ thể, bài viết làm rõ những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, đảm bảo quyền lợi cho giáo viên và chất lượng giáo dục hòa nhập.

**Từ khóa:** Thực trạng, chế độ chính sách, giáo viên mầm non, hòa nhập.

Nhận bài: 22/4/2025; Biên tập: 25/4/2025; Phản biện: 26/4/2025; Duyệt đăng: 27/4/2025.

## 1. Đặt vấn đề

Giáo dục hòa nhập là một xu hướng quan trọng trong hệ thống giáo dục hiện đại, nhằm đảm bảo mọi trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật, được học tập và phát triển trong môi trường chung. Giáo viên mầm non đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện giáo dục hòa nhập, đặc biệt là ở tỉnh Hải Dương, nơi có số lượng đáng kể trẻ em cần hỗ trợ đặc biệt. Việc thực hiện hiệu quả các chế độ chính sách dành cho giáo viên mầm non dạy trẻ hòa nhập không chỉ đảm bảo quyền lợi cho giáo viên mà còn nâng cao chất lượng giáo dục.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở pháp lý về chế độ chính sách cho giáo viên mầm non dạy trẻ hòa nhập

Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp lý nhằm hỗ trợ giáo viên mầm non dạy trẻ hòa nhập, trong đó nổi bật là Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 về chính sách phát triển giáo dục mầm non. Nghị định này quy định các chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non, đặc biệt là những người công tác tại vùng khó khăn và dạy trẻ khuyết tật. Cụ thể, giáo viên dạy lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập được tính thêm giờ dạy, với mỗi trẻ khuyết tật/lớp, giáo viên được tính thêm 0,5 giờ dạy/ngày.

### 2.2. Thực trạng thực hiện chế độ chính sách tại tỉnh Hải Dương

#### 2.2.1. Tổng quan về giáo dục mầm non và giáo dục hòa nhập tại Hải Dương

Tỉnh Hải Dương hiện có 289 trường mầm non, trong đó có 246 trường công lập và 43 trường tư thục. Số lượng trẻ em trong độ tuổi mầm non là 142.283.000, trong đó có khoảng 1.500 trẻ khuyết tật cần giáo dục hòa nhập.

Theo Báo cáo Thống kê số liệu Giáo dục Mầm non tỉnh Hải Dương, tính đến 31/05/2024, tỉ lệ huy động trẻ khuyết tật hòa nhập tại các trường và cơ sở giáo dục mầm non toàn tỉnh như sau:

**Bảng 1. Tỉ lệ huy động trẻ khuyết tật - Thống kê số liệu giáo dục mầm non tỉnh Hải Dương - cuối năm học 2023 - 2024 (Thời điểm chốt số liệu: 31/5/2024)**

|                  | Huyện, TP, TX | HUY ĐỘNG NHÀ TRẺ                 |                                              |               | HUY ĐỘNG MẪU GIÁO                 |                                              |               |
|------------------|---------------|----------------------------------|----------------------------------------------|---------------|-----------------------------------|----------------------------------------------|---------------|
|                  |               | Tổng số trẻ nhà trẻ phải phổ cập | Số trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hoà nhập | Tỷ lệ         | Tổng số trẻ mẫu giáo phải phổ cập | Số trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hoà nhập | Tỷ lệ         |
| 1                | Bình Giang    | 3,619                            | 1                                            | 0.028%        | 6,212                             | 10                                           | 0.161%        |
| 2                | Cẩm Giàng     | 4,648                            | 0                                            | 0.000%        | 7,665                             | 11                                           | 0.144%        |
| 3                | Gia Lộc       | 3,305                            | 0                                            | 0.000%        | 6,553                             | 7                                            | 0.107%        |
| 4                | Kim Thành     | 3,960                            | 0                                            | 0.000%        | 7,018                             | 22                                           | 0.313%        |
| 5                | Nam Sách      | 3,676                            | 0                                            | 0.000%        | 6,632                             | 9                                            | 0.136%        |
| 6                | Ninh Giang    | 4,078                            | 0                                            | 0.000%        | 6,902                             | 4                                            | 0.058%        |
| 7                | Thanh Hà      | 3,883                            | 0                                            | 0.000%        | 7,115                             | 16                                           | 0.225%        |
| 8                | Thanh Miện    | 3,584                            | 0                                            | 0.000%        | 6,336                             | 2                                            | 0.032%        |
| 9                | Chí Linh      | 3,805                            | 0                                            | 0.000%        | 7,852                             | 7                                            | 0.089%        |
| 10               | TP Hải Dương  | 5,174                            | 0                                            | 0.000%        | 13,497                            | 10                                           | 0.074%        |
| 11               | Kinh Môn      | 4,944                            | 0                                            | 0.000%        | 8,610                             | 9                                            | 0.105%        |
| 12               | Tứ Kỳ         | 4,748                            | 0                                            | 0.000%        | 8,467                             | 9                                            | 0.106%        |
| <b>Toàn tỉnh</b> |               | <b>49,424</b>                    | <b>1</b>                                     | <b>0.002%</b> | <b>92,859</b>                     | <b>116</b>                                   | <b>0.125%</b> |

Nhìn vào bảng thống kê, có thể thấy tỉ lệ trẻ khuyết tật được huy động hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non trên toàn tỉnh chiếm tỉ lệ rất thấp, toàn tỉnh có 116 trẻ, tương đương 0,1%.

Tuy nhiên, theo Báo cáo thống kê về người khuyết tật tỉnh Hải Dương 2024 của Sở Thương binh - Lao động và Xã hội, số trẻ trong độ tuổi mầm non được xác nhận là trẻ hòa nhập (dựa trên Giấy xác nhận mức độ khuyết tật) là 379 trẻ. Con số này chiếm tỉ lệ khá khiêm tốn so với số trẻ khuyết tật trên thực tế. Như vậy, nếu số trẻ khuyết tật được xác nhận tương đương với thực trạng trẻ khuyết tật, thì tỉ lệ trẻ khuyết tật được huy động hòa nhập còn thấp hơn rất nhiều lần so với con số thống kê.

Việc số trẻ được xác nhận khuyết tật có tỷ lệ thấp hơn nhiều so với số lượng trẻ khuyết tật thực tế xuất phát

từ nhiều nguyên nhân, bao gồm các yếu tố khách quan và chủ quan như sau:

- Nhận thức của gia đình và cộng đồng
- + Tâm lý e ngại, kỳ thị: Một số gia đình lo ngại sự kỳ thị của xã hội nên không muốn công khai tình trạng khuyết tật của con, dẫn đến việc không đưa trẻ đi xác nhận.
- + Thiếu hiểu biết về quyền lợi: Nhiều phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ về các chính sách hỗ trợ dành cho trẻ khuyết tật, dẫn đến việc không chủ động làm thủ tục xác nhận.
- + Quan niệm sai lầm về khuyết tật: Một số gia đình cho rằng khuyết tật nhẹ không cần thiết phải xác nhận, hoặc tin rằng trẻ có thể tự cải thiện theo thời gian.
- Hệ thống y tế và giáo dục chưa đáp ứng đầy đủ.
- + Khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ y tế: Việc xác nhận khuyết tật thường cần đến các cơ sở y tế có đủ chuyên môn, trong khi không phải địa phương nào cũng có đủ điều kiện để thực hiện.
- + Thiếu nhân lực và trang thiết bị đánh giá: Một số bệnh viện và trung tâm y tế chưa có đội ngũ chuyên môn sâu về đánh giá khuyết tật, khiến quá trình xác nhận gặp nhiều khó khăn.
- + Thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan: Việc kết nối giữa y tế, giáo dục và chính quyền địa phương trong việc thống kê, xác nhận và hỗ trợ trẻ khuyết tật chưa đồng bộ.
- Thủ tục hành chính phức tạp.
- + Quy trình xác nhận rườm rà: Để được xác nhận khuyết tật, gia đình phải qua nhiều khâu xét duyệt, khám chuyên khoa, nộp hồ sơ, trong khi nhiều người không nắm rõ thủ tục hoặc ngại làm giấy tờ.
- + Chưa có cơ chế hỗ trợ làm hồ sơ: Một số gia đình, đặc biệt ở vùng nông thôn, gặp khó khăn trong việc đi lại, thu thập giấy tờ, dẫn đến việc trì hoãn hoặc bỏ qua việc xác nhận khuyết tật.

- Chưa có cơ chế hỗ trợ đủ hấp dẫn
- + Chính sách hỗ trợ chưa đủ khuyến khích: Nếu các quyền lợi dành cho trẻ khuyết tật chưa đủ hấp dẫn hoặc chưa rõ ràng, nhiều gia đình sẽ không thấy động lực để đi xác nhận.

- + Thiếu thông tin về quyền lợi: Nhiều phụ huynh chưa hiểu rõ trẻ sẽ được hưởng những ưu đãi gì khi có giấy xác nhận khuyết tật, nên không thấy cần thiết phải làm thủ tục.

### 2.2.2. Thực hiện chế độ chính sách cho giáo viên mầm non dạy trẻ hòa nhập

Theo khảo sát từ Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương, việc thực hiện các chế độ chính sách cho giáo viên mầm non dạy trẻ hòa nhập đã đạt được một số kết quả tích cực:

- Phụ cấp ưu đãi: 100% giáo viên dạy trẻ hòa nhập được hưởng phụ cấp ưu đãi theo quy định, với mức phụ cấp dao động từ 35% đến 50% tùy theo khu vực công tác.
- Tính thêm giờ dạy: Giáo viên dạy lớp có trẻ khuyết tật được tính thêm 0,5 giờ dạy/ngày cho mỗi trẻ khuyết

tật, giúp giảm tải công việc và tăng thu nhập. Cụ thể, học kỳ 1, năm học 2024 - 2025:

Thành phố Hải Dương, có 14 giáo viên được hưởng chế độ bồi dưỡng giáo dục trẻ khuyết tật, trong khi thị xã Kinh Môn, số giáo viên này là 39. Tương tự như thế ở các địa bàn khác trong toàn tỉnh, số giáo viên tham gia dạy trẻ khuyết tật chiếm tỉ lệ thấp, dưới 10% tổng số giáo viên. Các giáo viên được nhận hỗ trợ với mức tính từ 28.000đ - 58.000đ/ giờ học tùy theo bậc lương, trung bình mỗi giáo viên nhận được từ 1.000.000đ - 1.500.000/ tháng. Số tiền này được chi từ ngân sách nhà nước, tuy nhiên, so với những khó khăn, vất vả khi chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật thì chưa tương xứng. Qua trò chuyện trao đổi, 100% giáo viên mầm non đang chăm sóc trẻ khuyết tật cho rằng, trong những năm gần đây, nhà nước thực hiện chế độ hỗ trợ cho giáo viên chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật đã thực sự động viên, khích lệ được các thầy cô giáo, tuy nhiên mức hỗ trợ còn khiêm tốn, chưa tương xứng. Tại các trung tâm hỗ trợ trẻ khuyết tật, cha mẹ trẻ phải chi trả trung bình là 150.000đ cho 1 giờ can thiệp. Trong khi đó, theo chế độ nhà nước với giáo viên mới đi làm, số tiền được hỗ trợ chỉ là 28.000đ/ giờ.

Như phân tích ở trên, có rất nhiều giáo viên mầm non đang chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật nhưng không được hưởng chế độ, vì trẻ khuyết tật đó không có hồ sơ khuyết tật. Gia đình không tiến hành thủ tục làm chứng nhận khuyết tật cho trẻ nhưng vẫn theo học tại các trường mầm non bình thường.

- Đào tạo, bồi dưỡng: Hàng năm, tỉnh tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục hòa nhập cho giáo viên mầm non, với sự tham gia của khoảng 80% giáo viên dạy trẻ hòa nhập.

### 2.3. Thuận lợi và khó khăn trong thực hiện chính sách

#### 2.3.1. Thuận lợi

Sự quan tâm của chính quyền địa phương: UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non dạy trẻ hòa nhập, đảm bảo nguồn kinh phí và cơ chế thực hiện. Nhận thức của cộng đồng: Cộng đồng ngày càng nhận thức rõ về tầm quan trọng của giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chính sách hỗ trợ.

#### 2.3.2. Khó khăn

- Rào cản về chính sách và cơ chế
- + Thiếu cụ thể hóa chính sách: Một số văn bản pháp luật và chính sách hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật còn chưa rõ ràng, gây khó khăn trong việc áp dụng thực tế.
- + Chế độ lương và phụ cấp hạn chế: Mức phụ cấp dành cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật thường thấp, chưa tương xứng với khối lượng công việc và áp lực.
- + Sự khác biệt giữa các địa phương: Việc thực hiện chính sách không đồng đều ở các vùng miền, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện kinh tế còn khó khăn.
- Rào cản về cơ sở vật chất.

+ Thiếu thốn thiết bị dạy học: Nhiều trường mầm non không có đủ đồ dùng, thiết bị hỗ trợ phù hợp cho trẻ khuyết tật (dụng cụ học tập, phương tiện hỗ trợ vận động).

+ Cơ sở hạ tầng không phù hợp: Hầu hết các trường học không có thiết kế đáp ứng nhu cầu đặc biệt của trẻ khuyết tật, như lối đi dành cho xe lăn hoặc nhà vệ sinh chuyên biệt.

- Rào cản về đào tạo giáo viên

+ Thiếu chương trình đào tạo chuyên sâu: Nhiều giáo viên mầm non chưa được đào tạo đầy đủ về giáo dục đặc biệt và kỹ năng làm việc với trẻ khuyết tật.

+ Hạn chế trong việc bồi dưỡng: Các khóa bồi dưỡng kiến thức chuyên môn còn ít và không đáp ứng được nhu cầu thực tế của giáo viên.

Khảo sát trình độ bồi dưỡng đào tạo về chuyên môn giáo dục hòa nhập của giáo viên mầm non tại các trường công lập trên địa bàn thành phố Hải Dương, địa bàn có điều kiện kinh tế, văn hóa, giáo dục phát triển nhất trên địa bàn tỉnh Hải Dương, cho thấy kết quả như sau:

*Bảng 2. Số lượng giáo viên có trình độ bồi dưỡng về chuyên môn giáo dục hòa nhập khối trường MN công lập tại TP. Hải Dương*

| STT  | TRƯỜNG           | TỔNG SỐ GV | SỐ LƯỢNG GV CÓ CHUYÊN MÔN GIÁO DỤC HÒA NHẬP | TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG  | TỈ LỆ (%) |
|------|------------------|------------|---------------------------------------------|-----------------------------|-----------|
| 1    | MN Ái Quốc       | 52         | 19                                          | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 36.5      |
| 2    | MN Bình Hàn      | 25         | 1                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.04      |
| 3    | MN Bình Minh     | 39         | 1                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.25      |
| 4    | MN Cẩm Thượng    | 26         | 1                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.38      |
| 5    | MN Hải Tân       | 41         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| 6    | MN Lê Thanh Nghị | 12         | 1                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.8       |
| 7    | MN Nam Đồng      | 38         | 2                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.1       |
| 8    | MN Ngọc Châu     | 53         | 7                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 13.2      |
| 9    | MN Nguyễn Trãi   | 28         | 1                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.03      |
| 10   | MN Nhị Châu      | 21         | 1                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.04      |
| 11   | MN Quang Trung   | 26         | 1                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.04      |
| 12   | MN Tân Bình      | 28         | 1                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.04      |
| 13   | MN Tân Hưng      | 32         | 1                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.03      |
| 14   | MN Thạch Khôi    | 38         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| 15   | MN Thanh Bình    | 41         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| 16   | MN An Thượng     | 40         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| 17   | MN Trần Hưng Đạo | 12         | 4                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 33.3      |
| 18   | MN Trần Phú      | 20         | 1                                           | Cử nhân giáo dục đặc biệt   | 0.05      |
| 19   | MN Tứ Minh       | 39         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| 20   | MN Việt Hoà      | 39         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| 21   | MN Hoa Sứ        | 40         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| 22   | MN Tiên Tiến     | 59         | 2                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0.3       |
| 23   | MN Quyết Thắng   | 35         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| 24   | MN Gia Xuyên     | 36         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| 25   | MN Liên Hồng     | 42         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| 26   | MN Ngọc Sơn      | 32         | 0                                           | Chứng chỉ giáo dục hòa nhập | 0         |
| TỔNG |                  | 897        | 44                                          |                             | 0.05      |

Nhìn vào bảng số liệu trên, tỉ lệ giáo viên có trình độ đào tạo bồi dưỡng về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật là 0.05%, trong đó trình độ cử nhân giáo dục đặc biệt là 01 giáo viên, chiếm tỉ lệ 0.001%, giáo viên có chứng chỉ

giáo dục đặc biệt là 43, chiếm tỉ lệ 0.05%. Những con số thật đáng suy ngẫm. Trong khi số trẻ khuyết tật, đặc biệt nhóm trẻ mắc chứng tự kỷ, tăng động, chậm ngôn ngữ đang ngày càng tăng, thì bài toán về đào tạo bồi dưỡng giáo viên mầm non có trình độ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lại càng trở nên nan giải và bức thiết hơn bao giờ hết.

- Rào cản về tâm lý và xã hội

+ Áp lực công việc lớn: Giáo viên dạy trẻ khuyết tật phải làm việc với khối lượng công việc cao, áp lực lớn về trách nhiệm và yêu cầu chuyên môn.

+ Thiếu sự thấu hiểu và hỗ trợ từ cộng đồng: Một số phụ huynh và người dân chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục đặc biệt, dẫn đến thiếu sự đồng hành và chia sẻ với giáo viên.

+ Kỳ thị xã hội: Giáo viên đôi khi gặp khó khăn do định kiến xã hội về trẻ khuyết tật và công việc dạy trẻ khuyết tật.

- Rào cản về trẻ khuyết tật

+ Sự đa dạng về dạng khuyết tật: Mỗi trẻ khuyết tật có nhu cầu riêng biệt, đòi hỏi giáo viên phải linh hoạt trong phương pháp giảng dạy.

+ Khó khăn trong giao tiếp: Một số trẻ có hạn chế về ngôn ngữ, giao tiếp, hoặc hành vi, làm cho quá trình dạy học trở nên phức tạp hơn.

- Rào cản về tài chính: Kinh phí hạn chế, các chương trình hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật thường thiếu nguồn lực tài chính, gây khó khăn trong việc triển khai các chính sách đã ban hành.

#### 2.4. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách

##### 2.4.1. Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng giáo viên

- Mở rộng chương trình đào tạo: Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng sư phạm để mở các khóa đào tạo chuyên sâu về giáo dục hòa nhập cho giáo viên mầm non.

- Tổ chức hội thảo, tập huấn: Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn chia sẻ kinh nghiệm và cập nhật kiến thức mới về giáo dục hòa nhập. Cần tổ chức ít nhất 2-3 hội thảo chuyên đề/năm về giáo dục hòa nhập với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ giáo viên tiếp cận tài liệu chuyên môn: Xây dựng thư viện tài liệu về giáo dục hòa nhập, cung cấp miễn phí sách, tài liệu và hướng dẫn phương pháp

giảng dạy cho giáo viên.

- Khuyến khích giáo viên tự học và nâng cao trình độ: Cấp học bổng hoặc hỗ trợ tài chính để giáo viên theo học các khóa đào tạo nâng cao về giáo dục hòa nhập.

#### 2.4.2. Cải thiện chế độ đãi ngộ

- Tăng phụ cấp ưu đãi: Hiện tại, mức phụ cấp dao động từ 25% đến 35%, tuy nhiên, do áp lực công việc cao, cần xem xét tăng mức hỗ trợ lên 50% - 70%, đặc biệt đối với giáo viên công tác ở vùng khó khăn.

- Bổ sung kinh phí hỗ trợ: Ngoài phụ cấp ưu đãi, có thể triển khai hỗ trợ hàng tháng cho giáo viên trực tiếp giảng dạy trẻ khuyết tật với mức tối thiểu 500.000 - 1.000.000 VNĐ/người/tháng.

- Thuởng thành tích xuất sắc: Xây dựng cơ chế thưởng cho giáo viên có đóng góp xuất sắc trong giáo dục hòa nhập, nhằm khuyến khích và ghi nhận nỗ lực của họ.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ sức khỏe và tinh thần: Giáo viên dạy trẻ hòa nhập thường đối mặt với căng thẳng cao. Vì vậy, có thể áp dụng chính sách hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ miễn phí và tổ chức các hoạt động tâm lý trị liệu...

#### 2.4.3. Cải thiện điều kiện làm việc và cơ sở vật chất

- Xây dựng phòng học chuyên biệt: Bố trí thêm phòng học riêng dành cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong các trường mầm non.

- Trang bị thiết bị hỗ trợ: Cung cấp đầy đủ đồ dùng học tập chuyên biệt như bảng chữ nổi, tranh minh họa, thiết bị hỗ trợ vận động, phần mềm hỗ trợ giáo dục trẻ tự kỷ.

- Giảm sĩ số lớp học: Đảm bảo mỗi lớp có không quá 2-3 trẻ khuyết tật, giúp giáo viên có đủ thời gian và điều kiện để hỗ trợ từng trẻ. Bố trí thêm trợ giảng: Với những lớp có số lượng trẻ khuyết tật đông, cần bố trí thêm trợ giảng để giảm tải áp lực cho giáo viên chính.

#### 2.4.4. Nâng cao nhận thức và sự phối hợp giữa các bên liên quan

- Tăng cường sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường: Tổ chức các buổi gặp mặt giữa giáo viên và phụ huynh để chia sẻ phương pháp hỗ trợ trẻ học tập và phát triển kỹ năng tại nhà.

- Thành lập nhóm hỗ trợ giáo viên: Tạo các nhóm hỗ trợ giáo viên dạy trẻ hòa nhập trong từng khu vực để họ có thể chia sẻ kinh nghiệm và cùng nhau giải quyết các khó khăn thực tế.

- Đẩy mạnh truyền thông về giáo dục hòa nhập: Tổ chức các chiến dịch truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của giáo viên dạy trẻ hòa nhập, từ đó nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ từ xã hội.

#### 2.4.5. Kiểm tra, giám sát và điều chỉnh chính sách kịp thời

- Tăng cường kiểm tra thực tế: Tổ chức các đoàn kiểm tra định kỳ để đánh giá thực trạng thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện và giải quyết các bất cập.

- Lắng nghe ý kiến giáo viên: Thực hiện khảo sát ý kiến giáo viên mầm non dạy trẻ hòa nhập về mức độ hài lòng với các chính sách hiện hành, từ đó có điều chỉnh phù hợp.

- Điều chỉnh chính sách theo thực tế: Xây dựng cơ chế linh hoạt để có thể điều chỉnh các chính sách hỗ trợ theo tình hình thực tế của từng giai đoạn.

### 3. Kết luận

Việc thực hiện hiệu quả các chính sách cho giáo viên mầm non dạy trẻ hòa nhập không chỉ giúp nâng cao đời sống và động lực cho giáo viên mà còn góp phần quan trọng trong việc đảm bảo quyền lợi và chất lượng giáo dục cho trẻ khuyết tật. Phân tích thực trạng việc thực hiện chế độ chính sách cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật, ghi nhận những mặt tích cực, những nỗ lực của giáo viên, của các cấp các ngành đồng thời là cơ sở để đề xuất giải pháp khắc phục, cải thiện thực trạng. Với các giải pháp đồng bộ trên, tỉnh Hải Dương có thể từng bước hỗ trợ điều kiện làm việc của giáo viên, nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ em. ○

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Công văn 5956/BGDĐT-NGCBQLGD 2021 xây dựng chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non.*
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư 48/2011/TT-BGDĐT về chế độ làm việc của giáo viên mầm non.*
- [3]. Phòng Giáo dục thị xã Kinh Môn, *Báo cáo thống kê số liệu năm học 2024 - 2025.*
- [4]. Phòng Giáo dục thành phố Hải Dương, *Báo cáo thống kê số liệu năm học 2024 - 2025.*
- [5]. Sở Giáo dục Đào tạo Hải Dương, *Báo cáo thống kê số liệu năm học 2024 - 2025.*
- [6]. Sở Thương binh - Lao động và Xã hội tỉnh Hải Dương, *Báo cáo số liệu thống kê người khuyết tật tỉnh Hải Dương, 2024.*
- [7]. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, *Nghị định 105/2020/NĐ-CP về chính sách phát triển giáo dục mầm non*, <https://vanban.chinhphu.vn>.

## THE CURRENT STATUS OF IMPLEMENTING POLICIES FOR PRESCHOOL TEACHERS TEACHING INCLUSIVE CHILDREN IN HAI DUONG PROVINCE

Dr. Vu Thi Yen Nhi

Hai Duong University - Email: vuyennhidhd@gmail.com

**Abstract:** The article analyzes the current status of policy implementation for preschool teachers teaching inclusive children in Hai Duong province. Through the assessment of current policies, field surveys and analysis of specific data, the article clarifies the advantages, difficulties and proposes solutions to improve the effectiveness of policy implementation, ensuring the rights of teachers and the quality of inclusive education.

**Keywords:** Current situation, policy, preschool teachers, inclusion.